

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST

Ngày: 20/01/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến
2. Bà Châu Thị Kim Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 367/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn H** - Sinh năm 1999 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn H, sinh năm: 1977; Con bà: Đoàn Thị K, sinh năm: 1981; Hiện trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1996, bị cáo có 01 con sinh năm: 2018. Hiện trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/7/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trương Thành C** - Sinh năm 1997, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Bị cáo không rõ bố, mẹ ruột; bị cáo có mẹ nuôi là: Trương Thị B, sinh năm: 1967. Hiện trú tại: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có vợ là Phạm Thị Thanh H, sinh năm: 2002; Có 01 con sinh năm 2021. Hiện trú tại: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/7/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đỗ Quốc A (M)** - Sinh năm 1995, tại thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm G, thôn N, xã H, huyện Ú, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: 434/69/11 đường Y, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Đô T, sinh năm: 1967; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971. Hiện trú tại: Xóm G, thôn N, xã H, huyện Ú, thành phố Hà Nội. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị Mai H, sinh năm: 1994 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2014. Hiện trú tại: Xóm G, thôn N, xã H, huyện Ú, thành phố Hà Nội; Tiền sự: Không. Tiền án: 02.

Ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ú, thành phố Hà Nội, xử phạt 09 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản.

Ngày 28/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội, xử phạt 01 năm tù, về tội: Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, tại Bản án số: 77/2018/HSST. Ngày 21/6/2020, chấp hành xong hình phạt tù (theo Quyết định tổng hợp hình phạt, số: 01 ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội, Đỗ Quốc A phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 01 năm 09 tháng tù). Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/7/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 37 đường Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Trình Xuân L, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: T9, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Mai Bá T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Cao Đình T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
5. Ông Hà Thái B, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số 35 đường Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
6. Bà Bùi Thị Khánh T, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
7. Ông Cao Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 148 đường N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
8. Ông Trần Phước V, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 67A đường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
9. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường Y, tổ 6A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
10. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 10 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
11. Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Hẻm 14 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
12. Bà Cao Thị Mỹ N, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 44/12 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
13. Bà Phan Thị Ngọc Y (U), sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 159/26 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
14. Bà Trần Thị Bảo L, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 383/53 đường N, tổ 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
15. Bà Võ Thị N, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: T11, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
16. Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 09 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
17. Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 2002 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk
18. Ông Đinh Tiến C, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
19. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
20. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2021, Phạm Văn H đã thuê Đỗ Quốc A và Trương Thành C làm việc cho mình trong hoạt động cho vay tiền thu lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, cụ thể: Để thuận tiện cho việc tiếp cận với người vay, H đã in các tờ rơi quảng cáo cho vay tiền với số điện thoại 0946225925 để người vay tiền liên hệ. H giao cho C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh gắn sim số 0911390212 để liên lạc và phát tờ rơi tìm kiếm người vay trên địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và giao cho Quốc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen gắn sim số 0946225925 và sim số 0905082163 để liên lạc và phát tờ rơi tìm kiếm người vay trên địa bàn thành phố B. Khi có người vay tiền, H chỉ đạo Quốc A hoặc C đến gặp trực tiếp và kiểm tra hoàn cảnh gia đình, công việc, thu nhập của người vay, yêu cầu người vay phải đưa Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ tùy thân khác để lấy thông tin của người vay tiền. Sau khi kiểm tra nhận thấy người vay có đủ điều kiện vay tiền, Quốc A và C sẽ báo lại để H đưa tiền cho vay rồi H tập hợp vào trang mạng quản lý cầm đồ MeCash.vn với tên đăng nhập “quocanh95”, mật khẩu đăng nhập là “congtingtao” để quản lý hoạt động cho vay. Việc vay tiền không viết giấy tờ gì. H trả tiền công cho Quốc A và C mỗi người số tiền 3.000.000 đồng/tháng, đồng thời cho hưởng một nửa số tiền phí thu được của người vay. Hằng ngày, vào buổi sáng C điều khiển xe mô tô biển số 47F1-358.73 và sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ gắn 02 sim số điện thoại 0843670680 và số 0949693050 đi đến địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk liên lạc với người vay để thu tiền về đưa cho H. Đến buổi chiều, Quốc A điều khiển xe mô tô biển số 47F1-358.73 lưu thông trên các tuyến đường thành phố B, để gặp người vay thu tiền về đưa cho H.

Hình thức vay: Các mức vay là từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/lần, thời hạn vay là 25 ngày, người vay phải trả tiền gốc - lãi là 5%/ngày, trả phí tiền vay là tiền xăng xe, điện thoại liên lạc là 10% trên số tiền vay, trừ số tiền gốc - lãi của ngày đầu, người vay chỉ thực nhận 85% số tiền vay. Khi chưa hết thời gian trả nợ (người vay đã đóng được trên 12 ngày) mà người vay có nhu cầu vay thêm (Đáo hạn) thì tiếp tục tính chi phí như đã nêu trên và trừ số tiền còn nợ của lần vay trước đó.

Ví dụ: Người vay số tiền 5.000.000 đồng, phải trả trong 25 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tiền phí dịch vụ phải đóng 500.000 đồng, tiền gốc trừ ngày đầu 250.000 đồng. Người vay thực nhận còn 4.250.000 đồng. Như vậy, thời hạn vay là 25 ngày, người vay phải trả là 500.000 đồng/ngày x 25 ngày = 6.250.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.250.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự thì Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất năm} = \frac{(\text{số tiền lãi} : \text{số tiền gốc}) \times 100\% \times 365}{\text{Số ngày vay}}$$

$$\text{Lãi suất vượt quá} = \frac{\text{Lãi suất năm}}{\text{Số ngày vay}}$$

20%

Ví dụ: Anh Nguyễn Duy T vay của H và C số tiền là 6.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, tiền phí là 600.000 đồng, mỗi ngày đóng 300.000 đồng.

Số tiền phải đóng sau 25 ngày là: $25 \text{ ngày} \times 300.000 \text{ đồng} = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi nhận được là: $7.500.000 \text{ đồng} - 6.000.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất năm là:
$$\frac{(1.500.000\text{đ} : 6.000.000\text{đ}) \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{25 \text{ ngày}} = 365\%.$$

Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25 \text{ lần}$.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021, Phạm Văn H và Trương Thành C đã cho 08 cá nhân tại địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vay tiền. Phạm Văn H cùng Đỗ Quốc A đã cho 08 cá nhân tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay tiền. Cụ thể như sau:

Những người vay tiền của Phạm Văn H và Trương Thành C, tại địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

1. Nguyễn Duy T, sinh năm 1988, trú tại: 37 đường Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 5/2021 đến tháng 6/2021, anh T vay số tiền: 6.000.000 đồng, thời gian vay là 25 ngày, số tiền phí là 600.000 đồng, mỗi ngày đóng 300.000 đồng, đã vay 03 lần và đã trả gốc và lãi.

Số tiền thu lợi bất chính tính như sau:

Sau 25 ngày số tiền thu được là: $300.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi nhận được (chưa tính phí) là: $7.500.000 \text{ đồng} - 6.000.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất tối đa cho phép trong vòng 01 năm là: 20%.

Lãi suất cho phép trong vòng 25 ngày là: $20\%/365 \times 25 \text{ ngày}$.

Số tiền lãi tối đa cho phép trong vòng 25 ngày = $20\%/365 \times 25 \times 6.000.000 \text{ đồng} = 82.191 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi thu lợi bất chính (chưa tính phí) = $1.500.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng} = 1.417.809 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi thu lợi bất chính: $1.417.809 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng (tiền phí)} = 2.017.809 \text{ đồng}$.

Tổng Số tiền thu lợi bất chính sau 03 lần đóng đủ là: $2.017.809 \text{ đồng} \times 03 = 6.053.427 \text{ đồng}$.

2. Trình Xuân L, sinh năm 1991, trú tại: T9, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 5/2021 đến tháng 6/2021, anh L vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000

đồng, khi trả đủ sẽ là 12.500.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 1.000.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 136.986 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(2.500.000 \text{ đồng} - 136.986 \text{ đồng}) + 1.000.000 \text{ đồng} = 3.363.014 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh L đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Anh L đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn ban đầu. Lần đáo hạn thứ 2, ông L mới trả được 08 ngày tương đương với số tiền 4.000.000 đồng, trong đó có 3.200.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 43.835 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(800.000 \text{ đồng} - 43.835 \text{ đồng}) + 1.000.000 \text{ đồng} = 1.756.165 \text{ đồng}$.

Như vậy, với tổng số tiền cho anh L vay là **30.000.000 đồng**, H và C đã thu lợi bất chính số tiền là **8.482.193 đồng**. Anh L còn nợ lại số tiền gốc là **6.800.000 đồng**.

3. Mai Bá T, sinh năm 1981, trú tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 6/2021 đến tháng 7/2021, anh T vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng. Lần vay này, anh T mới trả được 09 ngày tương đương số tiền 2.250.000 đồng, trong đó có 1.800.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 24.657 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(450.000 \text{ đồng} - 24.657 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 925.343 \text{ đồng}$. Anh T còn nợ tiền gốc là 3.200.000 đồng.

Lần thứ 02: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng. Lần vay này, anh T mới trả được 12 ngày tương đương số tiền 3.000.000 đồng, trong đó có 2.400.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 32.876 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(600.000 \text{ đồng} - 32.876 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.067.124 \text{ đồng}$. Anh T còn nợ tiền gốc là 2.600.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho anh T vay là **10.000.000 đồng**, H và C đã thu lợi bất chính số tiền là **1.992.467 đồng**. Anh T còn nợ lại số tiền gốc là **5.800.000 đồng**.

4. Cao Đình T, sinh năm 1982, trú tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 01/7/2021, anh T vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng. Lần vay này, anh T mới trả

được 13 ngày tương đương số tiền 3.250.000 đồng, trong đó có 2.600.000 đồng tiền gốc và 650.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 35.616 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(650.000 \text{ đồng} - 35.616 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = \mathbf{1.114.384 \text{ đồng}}$. Anh T còn nợ tiền gốc là **2.400.000 đồng**.

Khi cho vay tiền, H và C giữ của anh T 01 sổ hộ khẩu bản gốc số 160365249, tên chủ hộ: Cao Đình T, sinh năm 1982, trú tại 29 đường N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

05. Hà Thái B, sinh năm 1980, trú tại: 35 đường Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 5/2021 đến tháng 6/2021, ông B vay 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 7.500.000 đồng, trong đó có 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 600.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 82.191 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(1.500.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng}) + 600.000 \text{ đồng} = 2.017.809 \text{ đồng}$. Quá trình vay, ông B đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Ông B đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần đáo hạn nêu trên.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng. Lần vay này, ông B mới trả được 10 ngày tương đương số tiền 2.000.000 đồng, trong đó có 1.600.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 21.917 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(400.000 \text{ đồng} - 21.917 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 778.083 \text{ đồng}$. Ông B còn nợ tiền gốc là 2.400.000 đồng.

- Lần thứ 03: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng. Lần vay này, ông B mới trả được 10 ngày tương đương số tiền 2.000.000 đồng, trong đó có 1.600.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 21.917 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(400.000 \text{ đồng} - 21.917 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 778.083 \text{ đồng}$. Ông B còn nợ tiền gốc là 2.400.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho ông B vay là **20.000.000 đồng**, H và C đã thu lợi bất chính số tiền là **5.591.784 đồng**. Ông B còn nợ lại số tiền gốc là **4.800.000 đồng**.

6. Bùi Thị Khánh T, sinh năm 1976, trú tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2021, bà T vay 01 lần với số tiền 4.000.000

đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 54.794 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(1.000.000 \text{ đồng} - 54.794 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 1.345.206 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà T đáo hạn 04 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Bà T đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn. Lần đáo hạn thứ 4, bà T mới trả được 13 ngày tương đương với số tiền 2.600.000 đồng, trong đó có 2.080.000 đồng tiền gốc và 520.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 28.493 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(520.000 \text{ đồng} - 28.493 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 891.507 \text{ đồng}$. Bà T còn nợ tiền gốc là 1.920.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà T vay là **20.000.000 đồng**, H và C đã thu lợi bất chính số tiền là **6.272.331 đồng**. Bà T còn nợ lại số tiền gốc là **1.920.000 đồng**.

7. Cao Văn T, sinh năm 1986, trú tại 148 đường N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2021, anh T vay 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 68.493 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(1.250.000 \text{ đồng} - 68.493 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh T đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Lần đáo hạn này, anh T mới trả được 06 ngày tương đương số tiền 1.500.000 đồng, trong đó có 1.200.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 16.438 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(300.000 \text{ đồng} - 16.438 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 783.562 \text{ đồng}$. Anh T còn nợ tiền gốc là 3.800.000 đồng.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng. Lần vay này, anh T mới trả được 05 ngày tương đương số tiền 1.250.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng tiền gốc và 250.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 13.698 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(250.000 \text{ đồng} - 13.698 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 736.302 \text{ đồng}$. Anh T còn nợ tiền gốc là 4.000.000 đồng.

- Lần thứ 03: Vay số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 7.500.000 đồng, trong đó có 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 600.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất

theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 82.191 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(1.500.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng}) + 600.000 \text{ đồng} = 2.017.809 \text{ đồng}$. Quá trình vay, anh T đáo hạn 04 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Anh T đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần đáo hạn ban đầu. Lần đáo hạn thứ 4, anh T mới trả được 04 ngày tương đương với số tiền 1.200.000 đồng, trong đó có 960.000 đồng tiền gốc và 240.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 13.150 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(240.000 \text{ đồng} - 13.150 \text{ đồng}) + 600.000 \text{ đồng} = 826.850 \text{ đồng}$. Anh T còn nợ tiền gốc là 5.040.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho ông T vay là **45.000.000 đồng**, H và C đã thu lợi bất chính số tiền là **12.099.457 đồng**. Anh T còn nợ lại số tiền gốc là **12.840.000 đồng**.

8. Trần Phước V, sinh năm 1974, trú tại 67A đường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Từ khoảng đầu tháng 4/2021 đến tháng 6/2021, ông V vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 12.500.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 1.000.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 136.986 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(2.500.000 \text{ đồng} - 136.986 \text{ đồng}) + 1.000.000 \text{ đồng} = 3.363.014 \text{ đồng}$. Quá trình vay, ông V đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Ông V đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần vay đáo hạn ban đầu. Lần đáo hạn thứ 2, ông V mới trả được 15 ngày tương đương với số tiền 7.500.000 đồng, trong đó có 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 82.191 đồng. Số tiền H và C thu lợi bất chính là $(1.500.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng}) + 1.000.000 \text{ đồng} = 2.417.809 \text{ đồng}$.

Như vậy, với tổng số tiền cho ông V vay là **30.000.000 đồng**, H và C đã thu lợi bất chính số tiền là **9.143.837 đồng**. Ông V còn nợ lại số tiền gốc là **4.000.000 đồng**.

Tổng cộng, Phạm Văn H và Trương Thành C đã cho 08 người vay, thu lợi bất chính là **50.749.890 đồng**.

Những người vay tiền của Phạm Văn H và Đỗ Quốc A, tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

1. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969, trú tại tổ 6A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, bà H vay 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 3.750.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 300.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 41.095 đồng. Số tiền H và

Quốc A thu lợi bất chính là $(750.000 \text{ đồng} - 41.095 \text{ đồng}) + 300.000 \text{ đồng} = 1.008.905 \text{ đồng}$.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 54.794 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.000.000 \text{ đồng} - 54.794 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 1.345.206 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà H đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Bà H đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần đáo hạn này.

- Lần thứ 03: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng. Lần vay này, bà H mới trả được 11 ngày tương đương với số tiền 2.750.000 đồng, trong đó có 2.200.000 đồng tiền gốc và 550.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 30.136 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(550.000 \text{ đồng} - 30.136 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.019.864 \text{ đồng}$. Bà H còn nợ tiền gốc là 2.800.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà H vay là **16.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **4.719.181 đồng**. Bà H còn nợ lại số tiền gốc là **2.800.000 đồng**.

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, trú tại số 10 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng tháng 4/2021, bà H vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 2.500.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 27.397 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(500.000 \text{ đồng} - 23.397 \text{ đồng}) + 200.000 \text{ đồng} = 672.603 \text{ đồng}$.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng. Lần vay này, bà H mới trả được 08 ngày tương đương số tiền 1.600.000 đồng, trong đó có 1.280.000 đồng tiền gốc và 320.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 17.534 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(320.000 \text{ đồng} - 17.534 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 719.982 \text{ đồng}$. Bà H còn nợ tiền gốc là 2.720.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà H vay là **6.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **1.392.585 đồng**. Bà H còn nợ lại số tiền gốc là **2.720.000 đồng**.

3. Trần Thị H, sinh năm 1975, trú tại hẻm 14 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 4/2021, bà H vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 54.794 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.000.000 \text{ đồng} - 54.794 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 1.345.206 \text{ đồng}$.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 3.750.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 300.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 41.095 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(750.000 \text{ đồng} - 41.095 \text{ đồng}) + 300.000 \text{ đồng} = 1.008.905 \text{ đồng}$.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà H vay là **7.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **2.354.111 đồng**.

4. Cao Thị Mỹ N, sinh năm 1979, trú tại số 44/12 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 4/2021, bà N vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 68.493 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.250.000 \text{ đồng} - 68.493 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà N đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Lần đáo hạn này bà N trả được 11 ngày tương đương với số tiền 2.750.000 đồng, trong đó có 2.200.000 đồng tiền gốc và 550.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 30.136 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(550.000 \text{ đồng} - 30.136 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.019.864 \text{ đồng}$. Bà N còn nợ tiền gốc là 2.800.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà N vay là **10.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **2.701.371 đồng**. Bà N còn nợ lại số tiền gốc là **2.800.000 đồng**.

5. Phan Thị Ngọc Y, sinh năm 1980, trú tại số 159/26 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 4/2021, bà Y vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 3.750.000 đồng, trong đó có

3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 300.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 41.095 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(750.000 \text{ đồng} - 41.095 \text{ đồng}) + 300.000 \text{ đồng} = 1.008.905 \text{ đồng}$.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng. Lần vay này, bà Y mới trả được số tiền 950.000 đồng, tương đương với 4,75 ngày, trong đó có 760.000 đồng tiền gốc và 190.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 10.411 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(190.000 \text{ đồng} - 10.411 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 579.590 \text{ đồng}$. Bà Y còn nợ tiền gốc là **3.240.000 đồng**.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà Y vay là **7.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **1.588.495 đồng**. Bà Y còn nợ tiền gốc là **3.240.000 đồng**.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà Y vay là **7.000.000 đồng**, bị cáo H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **1.597.947 đồng**. Bà Y còn nợ tiền gốc là **3.200.000 đồng**.

6. Trần Thị Bảo L, sinh năm 1990, trú tại tổ 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021, chị L vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 68.493 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.250.000 \text{ đồng} - 68.493 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị L đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Chị L đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 02 lần vay đáo hạn ban đầu. Lần vay đáo hạn thứ 03, bà L trả được 05 ngày tương đương với số tiền 1.250.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng tiền gốc và 250.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 13.698 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(250.000 \text{ đồng} - 13.698 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 736.302 \text{ đồng}$. Chị L còn nợ tiền gốc là 4.000.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho Chị L vay là **20.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **5.780.823 đồng**. Chị L còn nợ lại số tiền gốc là **4.000.000 đồng**.

07. Võ Thị N, sinh năm 1973, trú tại thôn 11, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021, bà N vay 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 5.000.000 đồng, trong đó có

4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 400.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 54.794 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.000.000 \text{ đồng} - 54.794 \text{ đồng}) + 400.000 \text{ đồng} = 1.345.206 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà N đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Bà N đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần vay đáo hạn này.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 68.493 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.250.000 \text{ đồng} - 68.493 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà N đáo hạn 03 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Bà N đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 03 lần vay đáo hạn này.

- Lần thứ 03: Vay số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 7.500.000 đồng, trong đó có 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 600.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 82.191 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.500.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng}) + 600.000 \text{ đồng} = 2.017.809 \text{ đồng}$. Quá trình vay, chị N đáo hạn 02 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên. Chị N đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của 01 lần đáo hạn ban đầu. Lần đáo hạn thứ 2, chị N mới trả được số tiền cả gốc và lãi là 4.050.000 đồng tương ứng với 13.5 ngày, trong đó tiền gốc là 3.240.000 đồng và tiền lãi là 810.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 44.383 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(810.000 \text{ đồng} - 44.383 \text{ đồng}) + 600.000 \text{ đồng} = 1.365.616 \text{ đồng}$. Bà N còn nợ tiền gốc là 2.760.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà N vay là **46.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **14.817.674 đồng**. Bà N còn nợ lại số tiền gốc là **2.760.000 đồng**.

8. Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1985, trú tại số 09 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, bà T vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ 01: Vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 3.750.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 300.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 41.095 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(750.000 \text{ đồng} - 41.095 \text{ đồng}) + 300.000 \text{ đồng} = 1.008.905 \text{ đồng}$.

- Lần thứ 02: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc và lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 68.493 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(1.250.000 \text{ đồng} - 68.493 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.681.507 \text{ đồng}$. Quá trình vay, bà T đáo hạn 01 lần cũng với số tiền vay, phương thức trả góp và phí vay như trên và bà T đã trả hết số tiền vay gốc và lãi của lần đáo hạn này.

- Lần thứ 03: Vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng, khi trả đủ sẽ là 6.250.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương đương 365%/năm) và thu phí 500.000 đồng. Lần vay này, bà T trả được số tiền cả gốc và lãi là 4.950.000 đồng tương ứng với 19,8 ngày, trong đó có 3.960.000 đồng tiền gốc và 990.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên là 54.246 đồng. Số tiền H và Quốc A thu lợi bất chính là $(990.000 \text{ đồng} - 54.246 \text{ đồng}) + 500.000 \text{ đồng} = 1.435.754 \text{ đồng}$. Bà T còn nợ tiền gốc là 1.040.000 đồng.

Như vậy, với tổng số tiền cho bà T vay là **18.000.000 đồng**, H và Quốc A đã thu lợi bất chính số tiền là **5.807.673 đồng**. Bà T còn nợ lại số tiền gốc là **1.040.000 đồng**.

Như vậy Phạm Văn H và Đỗ Quốc A đã cho 08 người vay, thu lợi bất chính là **39.275.904 đồng**.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, số Imei 1: 358993094157769, số Imei 2: 358993095157768, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 02 sim điện thoại số 0946225925 và số 0911390212, được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, của bị cáo Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn trắng đỏ, gắn biển số 47F1-358.73, số khung 0610GY326175, số máy G3D4E342488, dung tích: 149, không kiểm tra tình trạng bên trong phương tiện và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021837, nhãn hiệu Yamaha Exciter, đăng ký biển số 47F1-358.73, tên chủ xe Phạm Văn H, sinh năm 1999, địa chỉ thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352428901565868; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, số Imei 1: 352812103131027; là tài sản của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 02 sim điện thoại số 0843670680 và số 0949693050 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 500.000 đồng, Trương Thành C có được từ việc hoạt động cho vay mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Trương Thành C. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 01/10/2021 là 0 đồng. Bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank số 9704-0799-7322-0233 mang tên Phạm Văn H. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 12/10/2021 là 54.718 đồng. Bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị Thanh H (vợ của bị cáo Trương Thành C), sinh năm 2002, trú tại thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, vào năm 2021, chị H không còn sử dụng thẻ Ngân hàng nói trên và cho Trương Thành C, sau đó, C sử dụng thẻ Ngân hàng trên để thu tiền vay nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, số Imei1: 352415900300777, là tài sản của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 sim điện thoại số 0905082163 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 sổ hộ khẩu số 160365249 (bản gốc), chủ hộ Cao Đình T, trú tại số 29 đường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, của ông Cao Đình T đưa cho các bị cáo khi vay tiền nên cần trả lại cho ông Cao Đình T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử.

Đối với 01 sổ hộ khẩu số 1604256767 (bản photo), chủ hộ Đinh Tiến C, trú tại buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của ông Đinh Tiến C, sinh năm 1973, trú tại buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, quá trình làm việc ông C không vay tiền và không đưa sổ hộ khẩu nêu trên cho ai để vay tiền của các bị cáo trên. Do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Về phần dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn H trả lại số tiền **74.625.784** đồng, Trương Thành C trả lại số tiền **8.900.000** đồng và Đỗ Quốc A trả lại số tiền **6.500.000** đồng, đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Duy T số tiền 6.053.427 đồng, (trong đó C trả lại 900.000 đồng, H trả lại 5.153.427 đồng).

- Ông Trình Xuân L số tiền 8.482.193 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 6.982.193 đồng)
- Ông Mai Bá T số tiền 1.992.467 đồng, (trong đó C trả lại 500.000 đồng, H trả lại 1.492.467 đồng)
- Ông Cao Đình T số tiền 1.114.384 đồng, (trong đó C trả lại 250.000 đồng, H trả lại 864.384 đồng)
- Ông Hà Thái B số tiền 5.591.784 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.591.784 đồng)
- Bà Bùi Thị Khánh T số tiền 6.272.331 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 5.272.331 đồng)
- Ông Cao Văn T số tiền 12.099.457 đồng, (trong đó C trả lại 2.250.000 đồng, H trả lại 9.849.457 đồng)
- Ông Trần Phước V số tiền 9.143.837 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 7.643.837 đồng)
- Bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 4.719.181 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 800.000 đồng, H trả lại 3.919.181 đồng)
- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.392.585 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 300.000 đồng, H trả lại 1.092.585 đồng)
- Bà Trần Thị H số tiền 2.354.111 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 2.004.111 đồng)
- Bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.701.371 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 500.000 đồng, H trả lại 2.201.371 đồng)
- Bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 1.588.495 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 1.238.495 đồng)
- Bà Trần Thị Bảo L số tiền 5.780.823 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.780.823 đồng)
- Bà Võ Thị N số tiền 14.817.674 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 4.600.000 đồng, H trả lại 10.217.674 đồng)
- Bà Nguyễn Thị Như T số tiền 5.807.673 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 900.000 đồng, H trả lại 4.907.673 đồng)

Truy thu từ Phạm Văn H số tiền **250.070.000** đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền **3.494.233** đồng, là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền **57.920.000 đồng**, nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo để nộp sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Ông Trình Xuân L số tiền 6.800.000 đồng, ông Mai Bá T số tiền 5.800.000 đồng, ông Cao Đình T số tiền 2.400.000 đồng, ông Hà Thái B số tiền

4.800.000 đồng, bà Bùi Thị Khánh T số tiền 1.920.000 đồng, ông Cao Văn T số tiền 12.840.000 đồng, ông Trần Phước V số tiền 4.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 2.720.000 đồng, bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.800.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 3.240.000 đồng, bà Trần Thị Bảo L số tiền 4.000.000 đồng, bà Võ Thị N số tiền 2.760.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.040.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-HS ngày 20/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1.Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** mức án từ 02 năm đến 2 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ).

2.Xử phạt: Bị cáo **Trương Thành C** mức án từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

3.Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Quốc A** mức án từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ).

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung **Phạm Văn H** từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Phạt bổ sung **Trương Thành C** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Phạt bổ sung **Đỗ Quốc A** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, số Imei 1: 358993094157769, số Imei 2: 358993095157768, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0946225925 và số 0911390212, được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, của bị cáo Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn trắng đỏ, gắn biển số 47F1-358.73, số khung 0610GY326175, số máy G3D4E342488, dung tích: 149, không kiểm tra tình trạng bên trong phương tiện và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021837, nhãn hiệu Yamaha Exciter, đăng ký biển số 47F1-358.73, tên chủ xe Phạm Văn H, sinh năm 1999, địa chỉ thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352428901565868; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, số Imei 1: 352812103131027; là tài sản của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0843670680 và số 0949693050 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, của Trương Thành C sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng, Trương Thành C có được từ việc hoạt động cho vay mà có.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Trương Thành C. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 01/10/2021 là 0 đồng. Bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank số 9704-0799-7322-0233 mang tên Phạm Văn H. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 12/10/2021 là 54.718 đồng. Bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị Thanh H (vợ của bị cáo Trương Thành C), sinh năm 2002, trú tại thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, vào năm 2021, chị H không còn sử dụng thẻ Ngân hàng nói trên và cho Trương Thành C, sau đó, C sử dụng thẻ Ngân hàng trên để thu tiền vay.

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, số Imei1: 352415900300777, là tài sản của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0905082163 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị trả lại cho ông Cao Đình T (chủ hộ) 01 sổ hộ khẩu số 160365249 (bản gốc), trú tại số 29 đường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, của T đưa cho các bị cáo khi vay tiền.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 sổ hộ khẩu số 1604256767 (bản photo), chủ hộ Đinh Tiến C, trú tại buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, quá trình làm việc ông C không vay tiền và không đưa sổ hộ khẩu nêu trên cho ai để vay tiền của các bị cáo trên.

- Về phần dân sự

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Phạm Văn H số tiền **250.070.000** đồng, là tiền gốc người vay đã trả, là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội và số tiền **3.494.233** đồng, (là tiền lãi theo quy định lãi suất 20%) sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Phạm Văn H trả lại số tiền **74.625.784** đồng, Trương Thành C trả lại số tiền **8.900.000** đồng và Đỗ Quốc A trả lại số tiền **6.500.000** đồng, đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Duy T số tiền 6.053.427 đồng, (trong đó C trả lại 900.000 đồng, H trả lại 5.153.427 đồng)

- Ông Trình Xuân L số tiền 8.482.193 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 6.982.193 đồng)

- Ông Mai Bá T số tiền 1.992.467 đồng, (trong đó C trả lại 500.000 đồng, H trả lại 1.492.467 đồng)

- Ông Cao Đình T số tiền 1.114.384 đồng, (trong đó C trả lại 250.000 đồng, H trả lại 864.384 đồng)

- Ông Hà Thái B số tiền 5.591.784 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.591.784 đồng)

- Bà Bùi Thị Khánh T số tiền 6.272.331 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 5.272.331 đồng)

- Ông Cao Văn T số tiền 12.099.457 đồng, (trong đó C trả lại 2.250.000 đồng, H trả lại 9.849.457 đồng)

- Ông Trần Phước V số tiền 9.143.837 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 7.643.837 đồng)

- Bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 4.719.181 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 800.000 đồng, H trả lại 3.919.181 đồng)

- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.392.585 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 300.000 đồng, H trả lại 1.092.585 đồng)

- Bà Trần Thị H số tiền 2.354.111 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 2.004.111 đồng)

- Bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.701.371 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 500.000 đồng, H trả lại 2.201.371 đồng)

- Bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 1.588.495 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 1.238.495 đồng)

- Bà Trần Thị Bảo L số tiền 5.780.823 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.780.823 đồng)

- Bà Võ Thị N số tiền 14.817.674 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 4.600.000 đồng, H trả lại 10.217.674 đồng)

- Bà Nguyễn Thị Như T số tiền 5.807.673 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 900.000 đồng, H trả lại 4.907.673 đồng)

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền **57.920.000 đồng**, nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo để nộp sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Ông Trình Xuân L số tiền 6.800.000 đồng, ông Mai Bá T số tiền 5.800.000 đồng, ông Cao Đình T số tiền 2.400.000 đồng, ông Hà Thái B số tiền 4.800.000 đồng, bà Bùi Thị Khánh T số tiền 1.920.000 đồng, ông Cao Văn T số tiền 12.840.000 đồng, ông Trần Phước V số tiền 4.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 2.720.000 đồng, bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.800.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 3.240.000 đồng, bà Trần Thị Bảo L số tiền 4.000.000 đồng, bà Võ Thị N số tiền 2.760.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.040.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021 trên địa bàn thị xã B và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thông qua giao dịch dân sự, bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C đã cho nhiều người dân vay tiền với lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thì bị phát hiện xử lý. Xác định tổng số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính là: 90.025.784 đồng, trong đó Trương Thành C và Phạm Văn H thu lợi bất chính là 50.749.880 đồng, Đỗ Quốc A và Phạm Văn H, thu lợi bất chính là 39.275.904 đồng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính 90.025.784 đồng. Do đó bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm Văn H và Trương Thành C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đỗ Quốc A có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích nên bị cáo A phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, HĐXX thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn H, một số tiền thích hợp để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Còn đối với bị cáo Đỗ Quốc A và Trương Thành C đều là người làm thuê cho bị cáo Phạm Văn H, bị cáo Quốc A và bị cáo C đều có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Quốc A và bị cáo C là phù hợp.

[2.4] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, Phạm Văn H, Đỗ Quốc A và Trương Thành C không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[2.5] Trong vụ án này, quá trình khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, thu giữ 01 sổ hộ khẩu, chủ hộ Đinh Tiến C (bản pho to). Quá trình làm việc ông C khai không quen biết, không vay tiền của các bị cáo H, Quốc A và C. Đồng thời, các bị cáo khai không cho ông C vay tiền nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với những cá nhân vay tiền của các bị cáo Phạm Văn H, Trương Thành C và Đỗ Quốc A còn lại tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk, do chưa xác định được lai lịch nên chưa xác định nội dung khoản vay cũng như việc trả tiền vay nên chưa đủ căn cứ để kết luận việc cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính của H, C và Quốc A đối với những khoản vay này để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng. Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chị Phạm Thị Thanh H, là người cho C thẻ ATM Ngân hàng Techcombank, sau đó C sử dụng thẻ ATM nói trên để thực hiện hành vi phạm tội, việc này chị H không hay biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chị Huỳnh Thị Thanh T là người thuê nhà và chị Nguyễn Ngọc T là người cho thuê nhà tại địa chỉ 434/69/11 đường Y, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chị T và T1 không hề hay biết việc bị cáo H sử dụng ngôi nhà này để thực hiện hành vi phạm tội nói trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Về phần dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn H trả lại số tiền **74.625.784** đồng, Trương Thành C trả lại số tiền **8.900.000** đồng và Đỗ Quốc A trả lại số tiền **6.500.000** đồng, đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Duy T số tiền 6.053.427 đồng, (trong đó C trả lại 900.000 đồng, H trả lại 5.153.427 đồng)

- Ông Trình Xuân L số tiền 8.482.193 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 6.982.193 đồng)

- Ông Mai Bá T số tiền 1.992.467 đồng, (trong đó C trả lại 500.000 đồng, H trả lại 1.492.467 đồng)

- Ông Cao Đình T số tiền 1.114.384 đồng, (trong đó C trả lại 250.000 đồng, H trả lại 864.384 đồng)

- Ông Hà Thái B số tiền 5.591.784 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.591.784 đồng)

- Bà Bùi Thị Khánh T số tiền 6.272.331 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 5.272.331 đồng)

- Ông Cao Văn T số tiền 12.099.457 đồng, (trong đó C trả lại 2.250.000 đồng, H trả lại 9.849.457 đồng)

- Ông Trần Phước V số tiền 9.143.837 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 7.643.837 đồng)

- Bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 4.719.181 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 800.000 đồng, H trả lại 3.919.181 đồng)

- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.392.585 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 300.000 đồng, H trả lại 1.092.585 đồng)

- Bà Trần Thị H số tiền 2.354.111 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 2.004.111 đồng)

- Bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.701.371 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 500.000 đồng, H trả lại 2.201.371 đồng)

- Bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 1.588.495 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 1.238.495 đồng).

- Bà Trần Thị Bảo L số tiền 5.780.823 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.780.823 đồng).

- Bà Võ Thị N số tiền 14.817.674 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 4.600.000 đồng, H trả lại 10.217.674 đồng).

- Bà Nguyễn Thị Như T số tiền 5.807.673 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 900.000 đồng, H trả lại 4.907.673 đồng).

Truy thu từ Phạm Văn H số tiền **250.070.000** đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền **3.494.233** đồng, là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền **57.920.000 đồng**, nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo để nộp sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Ông Trình Xuân L số tiền 6.800.000 đồng, ông Mai Bá T số tiền 5.800.000 đồng, ông Cao Đình T số tiền 2.400.000 đồng, ông Hà Thái B số tiền 4.800.000 đồng, bà Bùi Thị Khánh T số tiền 1.920.000 đồng, ông Cao Văn T số tiền 12.840.000 đồng, ông Trần Phước V số tiền 4.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 2.720.000 đồng, bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.800.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 3.240.000 đồng, bà Trần Thị Bảo L số tiền 4.000.000 đồng, bà Võ Thị N số tiền 2.760.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.040.000 đồng.

- Về phần xử lý vật chứng:

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, số Imei 1: 358993094157769, số Imei 2: 358993095157768, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0946225925 và số 0911390212, được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, của bị cáo Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn trắng đỏ, gắn biển số 47F1-358.73, số khung 0610GY326175, số máy G3D4E342488, dung tích: 149, không kiểm tra tình trạng bên trong phương tiện và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021837, nhãn hiệu Yamaha Exciter, đăng ký biển số 47F1-358.73, tên chủ xe Phạm Văn H, sinh năm 1999, địa chỉ thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352428901565868; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, số Imei 1: 352812103131027; là tài sản của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0843670680 và số 0949693050 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng, Trương Thành C có được từ việc hoạt động cho vay mà có.

Cần tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Trương Thành C. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 01/10/2021 là 0 đồng. Bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank số 9704-0799-7322-0233 mang tên Phạm Văn H. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 12/10/2021 là 54.718 đồng. Bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị Thanh H (vợ của bị cáo Trương Thành C), sinh năm 2002, trú tại thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, vào năm 2021, chị H không còn sử dụng thẻ Ngân hàng nói trên và cho Trương Thành C, sau đó, C sử dụng thẻ Ngân hàng trên để thu tiền vay.

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, số Imei1: 352415900300777, là tài sản của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội.

Cần tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0905082163 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội.

Cần trả lại 01 sổ hộ khẩu số 160365249 (bản gốc), chủ hộ Cao Đình T, trú tại số 29 đường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, của ông Cao Đình T đưa cho các bị cáo khi vay tiền.

Cần tịch thu tiêu hủy đối với 01 sổ hộ khẩu số 1604256767 (bản photo), của ông Đinh Tiến C, sinh năm 1973, trú tại buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, quá trình làm việc ông C không vay tiền và không đưa sổ hộ khẩu nêu trên cho ai để vay tiền của các bị cáo trên.

[2.7] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H, Trương Thành C và Đỗ Quốc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền trả lại. Cụ thể:

Bị cáo Phạm Văn H $74.625.784 \text{ đồng} \times 5\% = 3.731.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Bị cáo Trương Thành C $8.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 445.000 \text{ đồng}$

Bị cáo Đỗ Quốc A $6.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 325.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H, Trương Thành C và Đỗ Quốc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H** 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam

giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành 01 năm 11 tháng 03 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo **Trương Thành C** 1 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành 01 năm 05 tháng 03 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc A** 01 năm 9 tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành 01 năm 08 tháng 03 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn H, Trương Thành C cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo H và bị cáo C phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Đỗ Quốc A cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đỗ Quốc A phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phạm Văn H, Trương Thành C và Đỗ Quốc A.

**Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự*

+ Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn H số tiền 35.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

**Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.*

Về phân xử lý vật chứng:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, số Imei 1: 358993094157769, số Imei 2: 358993095157768, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0946225925 và số 0911390212, được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA-1034, của bị cáo Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn trắng đỏ, gắn biển số 47F1-358.73, số khung 0610GY326175, số máy G3D4E342488, dung tích: 149, không kiểm tra tình trạng bên trong phương tiện và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021837, nhãn hiệu Yamaha Exciter, đăng ký biển số 47F1-358.73, tên chủ xe Phạm Văn H, sinh năm 1999, địa chỉ thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 352428901565868; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, số Imei 1: 352812103131027; là tài sản của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0843670680 và số 0949693050 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy J6+, của Trương Thành C, sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng, Trương Thành C có được từ việc hoạt động cho vay mà có.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Trương Thành C. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 01/10/2021 là 0 đồng. Bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank số 9704-0799-7322-0233 mang tên Phạm Văn H. Quá trình điều tra xác định số dư trong tài khoản tính đến ngày 12/10/2021 là 54.718 đồng. Bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị Thanh H (vợ của bị cáo Trương Thành C), sinh năm 2002, trú tại thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, vào năm 2021, chị H không còn sử dụng thẻ Ngân hàng nói trên và cho Trương Thành C, sau đó, C sử dụng thẻ Ngân hàng trên để thu tiền vay.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, số Imei1: 352415900300777, là tài sản của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0905082163 được gắn vào điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, model TA-1174, của Đỗ Quốc A sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại 01 sổ hộ khẩu số 160365249 (bản gốc), chủ hộ ông Cao Đình T, trú tại số 29 đường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, của ông Cao Đình T đưa cho các bị cáo khi vay tiền.

Tịch thu tiêu hủy 01 sổ hộ khẩu số 1604256767 (bản photo) của ông Đinh Tiến C, sinh năm 1973, trú tại buôn E, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, quá trình làm việc ông C không vay tiền và không đưa sổ hộ khẩu nêu trên cho ai để vay tiền của các bị cáo.

Về phần dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn H trả lại số tiền **74.625.784** đồng, Trương Thành C trả lại số tiền **8.900.000** đồng và Đỗ Quốc A trả lại số tiền **6.500.000** đồng, đã thu lợi bất chính cho những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Duy T số tiền 6.053.427 đồng, (trong đó C trả lại 900.000 đồng, H trả lại 5.153.427 đồng)
- Ông Trình Xuân L số tiền 8.482.193 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 6.982.193 đồng)
- Ông Mai Bá T số tiền 1.992.467 đồng, (trong đó C trả lại 500.000 đồng, H trả lại 1.492.467 đồng)
- Ông Cao Đình T số tiền 1.114.384 đồng, (trong đó C trả lại 250.000 đồng, H trả lại 864.384 đồng)
- Ông Hà Thái B số tiền 5.591.784 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.591.784 đồng)
- Bà Bùi Thị Khánh T số tiền 6.272.331 đồng, (trong đó C trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 5.272.331 đồng)
- Ông Cao Văn T số tiền 12.099.457 đồng, (trong đó C trả lại 2.250.000 đồng, H trả lại 9.849.457 đồng)
- Ông Trần Phước V số tiền 9.143.837 đồng, (trong đó C trả lại 1.500.000 đồng, H trả lại 7.643.837 đồng)
- Bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 4.719.181 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 800.000 đồng, H trả lại 3.919.181 đồng)
- Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.392.585 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 300.000 đồng, H trả lại 1.092.585 đồng)
- Bà Trần Thị H số tiền 2.354.111 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 2.004.111 đồng)
- Bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.701.371 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 500.000 đồng, H trả lại 2.201.371 đồng)
- Bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 1.588.495 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 350.000 đồng, H trả lại 1.238.495 đồng)
- Bà Trần Thị Bảo L số tiền 5.780.823 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 1.000.000 đồng, H trả lại 4.780.823 đồng)
- Bà Võ Thị N số tiền 14.817.674 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 4.600.000 đồng, H trả lại 10.217.674 đồng)

- Bà Nguyễn Thị Như T số tiền 5.807.673 đồng, (trong đó Quốc A trả lại 900.000 đồng, H trả lại 4.907.673 đồng)

Truy thu từ Phạm Văn H số tiền **250.070.000** đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền **3.494.233** đồng, là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền **57.920.000 đồng**, nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo để nộp sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Ông Trình Xuân L số tiền 6.800.000 đồng, ông Mai Bá T số tiền 5.800.000 đồng, ông Cao Đình T số tiền 2.400.000 đồng, ông Hà Thái B số tiền 4.800.000 đồng, bà Bùi Thị Khánh T số tiền 1.920.000 đồng, ông Cao Văn T số tiền 12.840.000 đồng, ông Trần Phước V số tiền 4.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 2.720.000 đồng, bà Cao Thị Mỹ N số tiền 2.800.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc Y số tiền 3.240.000 đồng, bà Trần Thị Bảo L số tiền 4.000.000 đồng, bà Võ Thị N số tiền 2.760.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.040.000 đồng.

****Về án phí:***

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.731.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thành C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 445.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Quốc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

